1. Tham chiếu

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Mã số | Tài liệu | Phiên bản | Tác giả | Mô tả |
| 1 | Đặc tả yêu cầu hệ thống | 1.0 | Tú phạm | Mô tả hiện trạng hệ thống phòng quản lý khách sạn |

1. Thông tin tài liệu

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Mã số | Tài liệu | Nội dung cập nhật | Phiên bản | Tác giả | Mô tả |
| 2 | Phân tích chức năng | Khởi tạo | 1.0 | Nguyễn Văn Hòa | Phân tích chức năng cho hệ thống quản lý khách sạn |

1. Mô hình use case



.Mô hình usercase tổng quát



.Mô hình user case đặt phòng



.UseCase thông báo



.UseCase nhận phòng



. UseCase quản lý phòng



. UseCase quản lý thiết bị

. UseCase quản lý nhân viên

. UseCase báo cáo



. UseCase thống kê



. UseCase dịch vụ



. UseCase khách hàng



. UseCase phân công



.UseCase hủy đặt phòng



.UseCase đăng xuất

1. Mô tả user case
   1. Chọn phòng đã được đặt

|  |  |
| --- | --- |
| Mã số | CN\_DP\_01 |
| Tham chiếu | [1] |
| Tên use case | Chon phong |
| Mô tả | Lựa chọn phòng để có thể thực hiện các chức năng như: thêm thông tin, xóa đặt phòng, … |
| Tiền điều kiện | Thực hiện thành công đăng nhập với quyền nhân viên quản lý đặt phòng |
| Hậu điều kiện | Phòng được chọn thành công |
| Luồng sự kiện chính | 1. Hiển thị màn hình chọn phòng 2. Lựa chọn phòng 3. Kiểm tra thông tin lựa chọn 4. Nếu hợp lệ thì chọn 5. Thông báo lựa chọn thành công |
| Luồng sự kiện phụ | Nếu chọn không thành công   1. Thông báo chọn không thành công 2. Quay lại bước 2 ở luồng sự kiện chính. |
| Activity Diagram |  |

* 1. Chuyển phòng đã được đặt

|  |  |
| --- | --- |
| Mã số | CN\_DP\_02 |
| Tham chiếu | [1] |
| Tên use case | Chuyen phong |
| Mô tả | Chuyển một phòng khách hàng đã đặt sang một phòng chưa được đặt khác |
| Tiền điều kiện | Thực hiện thành công đăng nhập với quyền nhân viên quản lý đặt phòng |
| Hậu điều kiện | Chuyển phòng thành công |
| Luồng sự kiện chính | 1. Hiển thị màn hình chuyển phòng 2. Lựa chọn phòng cần chuyển đi 3. Kiểm tra thông tin phòng cần chuyển có được chuyển hay không 4. Nếu hợp lệ thì chọn phòng cần chuyển tới 5. Kiểm tra phòng chuyển tới có cho phép không 6. Thông báo lựa chọn thành công |
| Luồng sự kiện phụ | Nếu phòng chuyển đi không thành công   1. Thông báo không thành công 2. Quay lại bước 2 ở luồng sự kiện chính.   Nếu phòng chuyển tới không thành công   1. Thông báo chuyển không thành công 2. Quay lại bước 4 ở luồng sự kiện chính |
| Activity Diagram |  |

* 1. Chức năng đặt phòng

|  |  |
| --- | --- |
| Mã số | CN\_DP\_03 |
| Tham chiếu | [1] |
| Tên use case | Dat phong |
| Mô tả | Nhân viên nhận yêu cầu đặt phòng của khách hàng, ghi nhận các thông tin đặt phòng và thực hiện đặt phòng |
| Tiền điều kiện | Thực hiện thành công đăng nhập với quyền nhân viên quản lý đặt phòng |
| Hậu điều kiện | Đặt phòng thành công |
| Luồng sự kiện chính | 1. Hiển thị màn hình đặt phòng 2. Ghi nhận các thông tin của khách hàng 3. Kiểm tra thông tin đặt phòng 4. Nếu hợp lệ thì đặt phòng 5. Thông báo đặt phòng thành công |
| Luồng sự kiện phụ | Nếu đặt phòng không thành công   1. Thông báo đặt phòng không thành công 2. Quay lại bước 2 ở luồng sự kiện chính. |
| Activity Diagram |  |

* 1. Chức năng tìm kiếm

|  |  |
| --- | --- |
| Mã số | CN\_DP\_04 |
| Tham chiếu | [1] |
| Tên use case | Tim kiem |
| Mô tả | Nhân viên tìm kiếm thông tin đặt phòng để thực hiện các chức năng như: Xóa, sửa đặt phòng, … |
| Tiền điều kiện | Thực hiện thành công đăng nhập với quyền nhân viên quản lý đặt phòng |
| Hậu điều kiện | Tìm kiếm thành công |
| Luồng sự kiện chính | 1. Hiển thị màn hình tìm kiếm 2. Điền thông tin tìm kiếm 3. Kiểm tra thông tin tìm kiếm và tìm 4. Nếu hợp lệ và có thông tin thì xuất thông tin ra màn hình |
| Luồng sự kiện phụ | Nếu không tìm thấy thông tin   1. Thông báo không tìm thấy thông tin như yêu cầu 2. Quay lại bước 2 ở luồng sự kiện chính. |
| Activity Diagram |  |

* 1. Chức năng xem thông tin đặt phòng

|  |  |
| --- | --- |
| Mã số | CN\_DP\_05 |
| Tham chiếu | [1] |
| Tên use case | Xem thong tin phong |
| Mô tả | Nhân viên xem thông tin phòng để có thể thực hiện thêm các chức năng như: sửa, xóa thông tin đặt phòng, … |
| Tiền điều kiện | Thực hiện thành công đăng nhập với quyền nhân viên quản lý đặt phòng |
| Hậu điều kiện | Xem được thông tin đặt phòng |
| Luồng sự kiện chính | 1. Hiển thị màn hình xem thông tin đặt phòng 2. Lựa chọn phòng đã được đặt để xem thông tin 3. Kiểm tra 4. Nếu có thông tin thì xuất thông tin ra màn hình |
| Luồng sự kiện phụ | Nếu không tìm thấy thông tin   1. Thông báo không tìm thấy thông tin như yêu cầu 2. Quay lại bước 2 ở luồng sự kiện chính. |
| Activity Diagram |  |

* 1. Chức năng thêm hành lý

|  |  |
| --- | --- |
| Mã số | CN\_NP\_01 |
| Tham chiếu | [1] |
| Tên use case | Them hanh ly |
| Mô tả | Nhân viên thêm yêu cầu kí gửi hành lý của khách hàng khi khách hàng đến nhận phòng |
| Tiền điều kiện | Thực hiện thành công đăng nhập với quyền nhân viên lễ tân |
| Hậu điều kiện | Thêm kí gửi hành lý thành công |
| Luồng sự kiện chính | 1. Hiển thị màn hình thêm hành lý 2. Thêm các thông tin cần thiết 3. Kiểm tra 4. Nếu thêm thành công thì xuất thông báo ra màn hình |
| Luồng sự kiện phụ | Nếu thêm không thành công   1. Thông báo thêm không thành công 2. Quay lại bước 2 ở luồng sự kiện chính. |
| Activity Diagram |  |

* 1. Thêm thông tin khi khách hàng nhận phòng

|  |  |
| --- | --- |
| Mã số | CN\_NP\_02 |
| Tham chiếu | [1] |
| Tên use case | Them thong tin |
| Mô tả | Nhân viên thêm thông tin của khách hàng khi khách hàng đến nhận phòng |
| Tiền điều kiện | Thực hiện thành công đăng nhập với quyền nhân viên lễ tân |
| Hậu điều kiện | Thêm thông tin thành công |
| Luồng sự kiện chính | 1. Hiển thị màn hình thêm thông tin 2. Thêm các thông tin cần thiết 3. Kiểm tra 4. Nếu thêm thành công thì xuất thông báo ra màn hình |
| Luồng sự kiện phụ | Nếu thêm không thành công   1. Thông báo thêm không thành công 2. Quay lại bước 2 ở luồng sự kiện chính. |
| Activity Diagram |  |

* 1. Tìm kiếm thông tin khi khách hàng đến nhận phòng

|  |  |
| --- | --- |
| Mã số | CN\_NP\_03 |
| Tham chiếu | [1] |
| Tên use case | Tim kiem |
| Mô tả | Nhân viên tìm kiếm thông tin khi khách hàng đến nhận phòng |
| Tiền điều kiện | Thực hiện thành công đăng nhập với quyền nhân viên lễ tân |
| Hậu điều kiện | Tìm kiếm thông tin thành công |
| Luồng sự kiện chính | 1. Hiển thị màn hình tìm kiếm thông tin 2. Điền thông tin cần tìm kiếm 3. Kiểm tra 4. Nếu tìm kiếm thành công thì xuất thông tin ra màn hình |
| Luồng sự kiện phụ | Nếu tìm kiếm không thành công   1. Thông báo tìm kiếm không thành công 2. Quay lại bước 2 ở luồng sự kiện chính. |
| Activity Diagram |  |

* 1. Chức năng xem thông tin khi khách hàng đến nhận phòng

|  |  |
| --- | --- |
| Mã số | CN\_NP\_04 |
| Tham chiếu | [1] |
| Tên use case | Xem thong tin |
| Mô tả | Nhân viên xem thông tin khi khách hàng đến nhận phòng để có thể thực hiện thêm các chức năng như: sửa, xóa thông tin, … |
| Tiền điều kiện | Thực hiện thành công đăng nhập với quyền nhân viên lễ tân |
| Hậu điều kiện | Xem được thông tin đặt phòng, khách hàng, … |
| Luồng sự kiện chính | 1. Hiển thị màn hình xem thông tin 2. Lựa chọn phòng để xem thông tin 3. Kiểm tra 4. Nếu có thông tin thì xuất thông tin ra màn hình |
| Luồng sự kiện phụ | Nếu không tìm thấy thông tin   1. Thông báo không tìm thấy thông tin như yêu cầu 2. Quay lại bước 2 ở luồng sự kiện chính. |
| Activity Diagram |  |

* 1. Chức năng lọc phân công

|  |  |
| --- | --- |
| Mã số | CN\_PC\_01 |
| Tham chiếu | [1] |
| Tên use case | Loc phan cong |
| Mô tả | Nhân viên thực hiện lọc phân công theo một định dạng nào đó để thực hiện các chức năng theo yêu cầu như: xem thông tin, sửa phân công, … |
| Tiền điều kiện | Thực hiện thành công đăng nhập với quyền nhân viên phân công công việc |
| Hậu điều kiện | Lọc phân công thành công |
| Luồng sự kiện chính | 1. Hiển thị màn hình lọc phân công 2. Lựa chọn phương thức lọc 3. Kiểm tra 4. Nếu lọc thành công thì xuất thông tin lọc ra màn hình |
| Luồng sự kiện phụ | Nếu lọc không thành công   1. Thông báo lọc không thành công 2. Quay lại bước 2 ở luồng sự kiện chính. |
| Activity Diagram |  |

* 1. Chức năng lựa chọn đối tượng phân công

|  |  |
| --- | --- |
| Mã số | CN\_PC\_02 |
| Tham chiếu | [1] |
| Tên use case | Lua chon doi tuong phan cong |
| Mô tả | Nhân viên thực hiện lựa chọn đối tượng phân công để có thể phân công các công việc cần các nhân viên làm theo một nhóm, để thực hiện phân công một cách nhanh nhất |
| Tiền điều kiện | Thực hiện thành công đăng nhập với quyền nhân viên phân công công việc |
| Hậu điều kiện | Lựa chọn đối tượng phân công thành công |
| Luồng sự kiện chính | 1. Hiển thị màn hình lựa chọn đối tượng phân công 2. Lựa chọn phân công 3. Kiểm tra 4. Nếu phân công cho phép phân công thì lựa chọn đối tượng phân công 5. Xuất thông báo phân công thành công |
| Luồng sự kiện phụ | Nếu lựa chọn phân công không thành công   1. Thông báo lựa chọn không thành công 2. Quay lại bước 2 ở luồng sự kiện chính.   Nếu lựa chọn đối tượng phân công không thành công   1. Thông báo lựa chọn không thành công 2. Quay lại bước 4 ở luồng sự kiện chính |
| Activity Diagram |  |